

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 88 /BC - TĐTB - P5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ IV - NĂM 2022**

Yên Bái, ngày 18 tháng 01 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		278.255.981.949	200.886.332.101
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	90.424.695.231	74.789.259.982
111	1. Tiền		75.424.695.231	6.947.259.982
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	67.842.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	62.000.000.000	66.422.413.699
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		62.000.000.000	66.422.413.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		121.759.844.969	55.426.371.103
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		100.398.838.347	35.408.799.218
132	2. Trả trước cho người bán		-	190.417.532
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	581.848.620	781.052.051
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.633.341.998)	(3.366.397.698)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4.071.441.749	4.208.928.762
141	1. Hàng tồn kho		4.071.441.749	4.208.928.762
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	39.358.555
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	39.358.555
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		803.390.986.471	810.349.208.686
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		84.046.875.000	106.459.375.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		84.046.875.000	106.459.375.000
220	II. Tài sản cố định		207.208.090.254	243.115.918.271
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	190.598.138.315	225.867.180.880
222	- Nguyên giá		1.485.758.346.457	1.482.488.206.295
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.295.160.208.142)	(1.256.621.025.415)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	16.609.951.939	17.248.737.391
228	- Nguyên giá		22.330.322.400	22.176.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.720.370.461)	(4.927.585.009)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.797.971.083	3.298.419.989
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	5.797.971.083	3.298.419.989
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		503.446.066.764	454.563.176.764
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.652.890.000	35.770.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.891.983.370	2.912.318.662
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.891.983.370	2.912.318.662
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.081.646.968.420	1.011.235.540.787

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		45.339.353.469	89.376.876.406
310	I. Nợ ngắn hạn		45.339.353.469	89.376.876.406
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		4.712.624.523	1.322.327.800
312	2. Người mua trả tiền trước		432.475.059	854.726.999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	26.724.868.859	10.921.520.824
314	4. Phải trả người lao động		8.059.064.109	8.862.554.653
315	5. Chi phí phải trả	12		196.500.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	4.974.745.475	66.023.594.753
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		435.575.444	1.195.651.377
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.036.307.614.951	921.858.664.381
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.036.307.614.951	921.858.664.381
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		401.307.614.951	286.858.664.381
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		327.719.989.808	207.645.024.387
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		73.587.625.143	79.213.639.994
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.081.646.968.420	1.011.235.540.787

240.
IGT
PH
Y Đ
ÁC
INH.T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

Yên Bái, Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

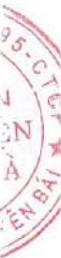


Lê Hồng Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Lũy kế đến 31/12/2022	Lũy kế đến 31/12/2021
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	142.474.218.169	52.159.605.517	498.248.916.289	294.284.392.714
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.474.218.169	52.159.605.517	498.248.916.289	294.284.392.714
11	4. Giá vốn hàng bán	17	39.617.717.611	28.209.281.371	131.355.930.922	116.754.609.501
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.856.500.558	23.950.324.146	366.892.985.367	177.529.783.213
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	5.191.508.082	4.436.453.972	47.142.341.383	27.616.511.632
22	7. Chi phí tài chính	19	-	-	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		15.886.652.043	11.352.822.447	34.689.829.216	29.707.160.950
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.161.356.597	17.033.955.671	379.345.497.534	175.439.133.895
31	11. Thu nhập khác	20	694.524.443	1.121.419.563	1.487.590.304	1.984.957.763
32	12. Chi phí khác	21	505.466.454	538.446.851	1.057.345.219	1.196.734.165
40	13. Lợi nhuận khác		189.057.989	582.972.712	430.245.085	788.223.598
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		92.350.414.586	17.616.928.383	379.775.742.619	176.227.357.493



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Lũy kế đến 31/12/2022	Lũy kế đến 31/12/2021
			VND	VND	VND	VND
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		18.762.789.443	3.459.040.677	70.326.792.049	33.513.717.499
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>73.587.625.143</u>	<u>14.157.887.706</u>	<u>309.448.950.570</u>	<u>142.713.639.994</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		379.775.742.619	176.227.357.493
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		39.303.991.523	39.524.458.693
03	- Các khoản dự phòng		(1.733.055.700)	602.603.920
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.142.341.383)	(28.151.795.302)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		370.204.337.059	188.202.624.804
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(45.015.853.581)	21.442.381.722
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		137.487.013	305.363.647
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.136.508.362	880.583.066
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		20.335.292	(2.167.627.617)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(60.164.002.606)	(27.293.123.526)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.232.099.277)	(5.398.630.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		268.086.712.262	175.971.572.096
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.020.686.065)	(22.229.482.389)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	723.636.363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(180.840.000.000)	(167.309.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		188.154.913.699	169.264.086.301
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(48.882.890.000)	(29.890.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.117.135.353	28.626.696.361
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.528.472.987	(20.814.063.364)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(253.979.750.000)	(158.733.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(253.979.750.000)	(158.733.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		15.635.435.249	(3.575.491.268)

24048
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 THỦY ĐIỆN
 THÁC BÀ
 VH-T.Y.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		74.789.259.982	78.364.751.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>90.424.695.231</u>	<u>74.789.259.982</u>

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 18 tháng 01 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2022

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bán Xèo 1, xã Bán Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu: 50,94%

- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a Chứng khoán kinh doanh

b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay

d Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng tăng giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính****2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tăng giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	241.100.536	60.474.438
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.183.594.695	6.886.785.544
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	67.842.000.000
	90.424.695.231	74.789.259.982

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a** Chứng khoán kinh doanh**b** Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1 Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	62.000.000.000	62.000.000.000	66.422.413.699	66.422.413.699
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	62.000.000.000	62.000.000.000	66.422.413.699	66.422.413.699

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 5 tháng đến 6 tháng và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 8,6%/năm.

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b2 Dài hạn				
- Đầu tư vào công ty con(**)	337.624.176.764	337.624.176.764	337.624.176.764	337.624.176.764
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(***)	84.652.890.000	84.652.890.000	35.770.000.000	35.770.000.000
- Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác(****)	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
	503.446.066.764	503.446.066.764	454.563.176.764	454.563.176.764

(**) Tại ngày 31/12/2022

- Công ty đang nắm giữ 25.889.270 cổ phần tương đương 50,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

(***) Tại ngày 31/12/2022

- Theo Nghị Quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49% Vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2022 Công ty đã thực hiện góp vốn với giá trị là 84.652.890.000 đồng.

(****) Tại ngày 31/12/2022

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

5 PHẢI THU KHÁC

a Ngắn hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	224.025.254	-	280.486.839	-
Phải thu người lao động	167.531.020	-	197.950.736	-
Ký quỹ, ký cược	97.155.477	-	71.500.000	-
Phải thu khác	93.136.869	-	231.114.476	-
	581.848.620		781.052.051	
b Dài hạn	-	-	-	-

049
TY
AN
HIỆP
BÀ
T.Y.F

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.628.206.745	-	3.824.679.686	-
Công cụ, dụng cụ	228.926.046	-	74.686.407	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	214.308.958	-	309.562.669	-
Dự phòng tăng giá hàng tồn	-	-	-	-
	4.071.441.749		4.208.928.762	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.358.555
	-	39.358.555

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	651.554.157.472	805.862.293.078	19.735.566.706	5.218.734.494	117.454.545	1.482.488.206.295
Mua sắm	-	1.257.396.296	1.948.473.629	-	-	3.205.869.925
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	64.270.237	-	64.270.237
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	651.554.157.472	807.119.689.374	21.684.040.335	5.283.004.731	117.454.545	1.485.758.346.457
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	536.316.551.080	700.625.730.737	15.191.697.177	4.390.832.196	96.214.225	1.256.621.025.415
Trích khấu hao	20.373.782.529	16.937.790.471	868.517.859	325.893.339	5.221.873	38.511.206.071
Tặng khác	27.976.656	-	-	-	-	27.976.656
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	556.718.310.265	717.563.521.208	16.060.215.036	4.716.725.535	101.436.098	1.295.160.208.142
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	115.237.606.392	105.236.562.341	4.543.869.529	827.902.298	21.240.320	225.867.180.880
Tại ngày 31/12/2022	94.835.847.207	89.556.168.166	5.623.825.299	566.279.196	16.018.447	190.598.138.315

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	20.558.322.400	1.618.000.000	22.176.322.400
Mua sắm	-	154.000.000	154.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
tăng khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	20.558.322.400	1.772.000.000	22.330.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	4.749.494.542	178.090.467	4.927.585.009
Trích khấu hao	411.153.216	381.632.236	792.785.452
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
tăng khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	5.160.647.758	559.722.703	5.720.370.461
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	15.808.827.858	1.439.909.533	17.248.737.391
Tại ngày 31/12/2022	15.397.674.642	1.212.277.297	16.609.951.939

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn - NMTĐ Thác Bà	1.962.682.407	
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	3.835.288.676	3.298.419.989
	5.797.971.083	3.298.419.989

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	31/12/2022 VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.312.407.623	40.533.426.330	38.404.657.598	3.441.176.355
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.013.717.498	70.326.792.049	60.164.002.606	18.176.506.941
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.862.840.000	4.862.840.000	-
Thuế Tài nguyên	1.487.877.326	37.754.360.455	36.306.327.841	2.935.909.940
Thuế Thu nhập cá nhân	107.518.377	4.599.396.630	2.535.639.384	2.171.275.623
Các loại thuế khác	(39.358.555)	122.618.256	83.259.701	-
	10.882.162.269	158.199.433.720	142.356.727.130	26.724.868.859

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a	Ngắn hạn	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
	Chi phí phải trả khác	-	196.500.000
		-	196.500.000

b Dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

a	Ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	184.141.749	63.663.723.749
	Phí dịch vụ Môi trường rừng	3.462.440.544	1.878.516.504
	Phải trả, phải nộp khác	1.328.163.182	481.354.500
		<u>4.974.745.475</u>	<u>66.023.594.753</u>

b Dài hạn

c Số nợ quá hạn chưa thanh toán

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

049
TY
ẤN
HIỆT
BÀ
YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	635.000.000.000	-	-	-	286.858.664.381	921.858.664.381
Tại ngày 01/01/2022	635.000.000.000	-	-	-	286.858.664.381	921.858.664.381
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	309.448.950.570	309.448.950.570
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(190.500.000.000)	(190.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	635.000.000.000	-	-	-	401.307.614.951	1.036.307.614.951

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

b) Các quỹ công ty	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
	-	-
15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	194	194
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2022	31/12/2022
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	137.158.347.929	482.076.541.660
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.315.870.240	16.172.374.629
	142.474.218.169	498.248.916.289
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2022	31/12/2022
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	37.640.641.227	126.051.449.130
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.977.076.384	5.304.481.792
	39.617.717.611	131.355.930.922
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2022	31/12/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.191.508.082	16.353.071.383
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.000.000.000	30.789.270.000
	5.191.508.082	47.142.341.383
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2022	31/12/2022
	VND	VND
	-	-
20 THU NHẬP KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2022	31/12/2022
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	694.524.443	1.487.590.304
	694.524.443	1.487.590.304
	-	-
21 CHI PHÍ KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2022	31/12/2022
	VND	VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	505.466.454	6.783.000
- Các khoản khác	505.466.454	1.050.562.219
	505.466.454	1.050.562.219

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4 năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	780.133.598	1.978.816.494
Chi phí nhân công	18.886.215.525	44.139.047.524
Chi phí khấu hao	9.702.884.483	39.303.991.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.876.217.180	5.020.244.395
Chi phí khác	24.258.918.868	75.603.660.202
	55.504.369.654	166.045.760.138

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	399.745.222	1.105.404.215
Chi phí nhân công	7.763.858.155	17.908.468.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	683.217.583	2.647.018.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.741.353	3.265.366.078
Chi phí khác bằng tiền	6.280.089.730	9.763.571.756
	15.886.652.043	34.689.829.216

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	18.762.789.443	70.326.792.049
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.762.789.443	70.326.792.049

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

049
 TY
 AN
 HIEP
 BA
 T. YE

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý 4/2022</u>	<u>Quý 4/2021</u>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Bên liên quan với cổ đông lớn	137.158.347.929	48.258.353.843
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức công bố	Công ty mẹ (từ ngày 16 tháng 11 năm 2020)	57.547.752.000	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố	Cổ đông lớn	28.575.000.000	19.050.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Thu hồi tiền cho vay Lãi tiền cho vay Doanh thu khác	Công ty con	5.603.125.000 1.972.914.041 45.000.000	5.603.125.000 2.782.066.695 45.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu khác	Công ty liên kết	50.000.000 60.000.000	45.454.546 60.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty con của Công ty mẹ	217.592.593	-

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng		95.834.596.548	30.980.101.437
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	95.834.596.548	30.950.101.437
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	-	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		81.667.615	29.811.845
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	81.667.615	29.811.845
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	-	69.000.000
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu về cho vay		106.459.375.000	128.871.875.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	106.459.375.000	128.871.875.000
<i>Trong đó:</i>		-	-
- Cho vay dài hạn đến hạn trả		22.412.500.000	22.412.500.000
- Cho vay dài hạn		84.046.875.000	106.459.375.000

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 4/2022 với Quý 4/2021

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2022 đạt 73.587.625.143 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2021 đạt 14.157.887.706 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2022 so với Quý 4/2021 tăng 59.429.737.437 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 4/2022 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 90.642.771.642 đồng chủ yếu là do Doanh thu hoạt động điện tăng 88.899.994.086 đồng so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân là do Quý 4/2022, sản lượng điện thương phẩm trong Quý 4/2022 cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 43,9 triệu kWh (tăng 84%) đồng thời Công ty thường xuyên cập nhật số liệu, tình hình thủy văn, bám sát diễn biến Thị trường điện để đưa ra chiến lược chào giá phù hợp tăng mạnh doanh thu từ Thị trường điện. Doanh thu hoạt động dịch vụ tăng 1.414.618.566 đồng (tăng 36%) so với cùng kỳ năm 2021 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 4/2022 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 755.054.110 đồng (tăng 17%) so với cùng kỳ năm 2021 do trong Quý 4/2022 Công ty phát sinh doanh thu từ cổ tức được chia từ công các đơn vị nộp về. Doanh thu khác Quý 4/2022 giảm 426 triệu so với cùng kỳ năm 2021, do không phát sinh doanh thu từ thanh lý nhượng bán tài sản thanh lý so với cùng kỳ năm 2021 .

- Tổng chi phí Quý 4/2022 so với cùng kỳ năm 2021 tăng 15.909.285.439 đồng (tăng 40%) so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do sản lượng Quý 4/2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 4/2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 và ảnh hưởng của một số chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 4/2022 so với cùng kỳ năm 2021 tăng 15.909.285.439 đồng so với cùng kỳ năm 2021. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 4/2022 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 4/2022 tăng là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 4/2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021.

024

NG T

PH

Y Đ

Á C

VH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2022



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 18 tháng 01 năm 2023

